

MỘT SỐ VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ CÔNG NGHIỆP

Bài 26

CƠ CẤU NGÀNH CÔNG NGHIỆP

I – MỤC TIÊU CỦA BÀI HỌC

Sau bài học, HS cần :

1. Về kiến thức

– Hiểu được cơ cấu ngành công nghiệp của nước ta với sự đa dạng của nó, cùng một số ngành công nghiệp trọng điểm, sự chuyển dịch cơ cấu trong từng giai đoạn và các hướng hoàn thiện.

– Hiểu được sự phân hoá lãnh thổ công nghiệp và giải thích được sự phân hoá đó.

– Phân tích được cơ cấu công nghiệp theo thành phần kinh tế cũng như sự thay đổi của nó và vai trò của mỗi thành phần.

2. Về kĩ năng

– Phân tích biểu đồ chuyển dịch cơ cấu công nghiệp.

– Xác định được trên bản đồ Công nghiệp chung (hoặc Atlas Địa lí Việt Nam) các khu vực tập trung công nghiệp chủ yếu của nước ta và các trung tâm công nghiệp chính cùng với cơ cấu ngành của chúng trong mỗi khu vực.

II – CÁC PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

– Bản đồ Công nghiệp chung Việt Nam.

– Atlas Địa lí Việt Nam.

– Bảng biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ các loại.

– Tranh ảnh, băng hình về hoạt động công nghiệp.

III – MỘT SỐ ĐIỂM CẦN LƯU Ý

1. Về nội dung

a) Cơ cấu ngành công nghiệp của nước ta tương đối đa dạng và tương đối đầy đủ các ngành. Đó là kết quả của quá trình công nghiệp hoá đã và đang diễn ra ở nước ta.

– Trong cơ cấu ngành công nghiệp đã hình thành một số ngành công nghiệp trọng điểm do có những thế mạnh về tài nguyên thiên nhiên, nguồn nguyên liệu, lao động và thị trường tiêu thụ.

Vậy thế nào là ngành công nghiệp trọng điểm ?

Ngành công nghiệp trọng điểm là ngành công nghiệp có thế mạnh lâu dài, đem lại hiệu quả cao về các mặt kinh tế, xã hội, môi trường và có tác động mạnh mẽ đến các ngành kinh tế khác.

GV cần lưu ý cho HS nắm vững khái niệm, nêu được các ngành công nghiệp trọng điểm và giải thích.

– Tuy nhiên, cơ cấu ngành công nghiệp của nước ta còn bộc lộ một số tồn tại. Tỷ trọng của công nghiệp khai thác còn khá lớn. Tốc độ tăng trưởng của một số ngành công nghiệp chế biến còn chậm. Nguồn nguyên liệu cho công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng chưa ổn định nên chủ yếu là làm gia công từ nguyên liệu nhập. Công nghệ và thiết bị chậm đổi mới. Điều đó không chỉ hạn chế năng suất lao động mà còn làm cho sản phẩm thiếu sức cạnh tranh trên thị trường do chất lượng kém, giá thành cao. Từ đó tạo điều kiện cho hàng hoá nước ngoài tràn vào.

b) Cơ cấu ngành công nghiệp của nước ta đang chuyển dịch rõ rệt theo hướng tích cực, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế – xã hội 10 năm (2001 – 2010) mà Đại hội Đảng lần thứ IX đã đề ra. Trong những năm qua, xu hướng chung là tăng tỷ trọng của các ngành công nghiệp chế biến và giảm tỷ trọng của các ngành công nghiệp khai thác.

Điều đáng lưu ý là trong khi các ngành công nghiệp truyền thống vẫn duy trì được sự ổn định (chế biến thực phẩm – đồ uống 22,5%, dệt – may – da – giày 12,1%), thì một số ngành mới hình thành đã nâng dần được tỷ trọng (khai thác dầu khí 9,4%, thép 3,1%, sản xuất và lắp ráp điện tử 4,7%, sản xuất và lắp ráp phương tiện vận tải 5,1%).

Các ngành sản xuất hàng tiêu dùng thiết yếu tăng nhanh nhằm đảm bảo nhu cầu ngày càng tăng của nhân dân trong nước và cho xuất khẩu. Các ngành sản xuất tư liệu sản xuất cũng được chú ý phát triển, đặc biệt là sản xuất tư liệu sản xuất phục vụ nông nghiệp, xây dựng cơ bản, giao thông vận tải, dịch vụ điện nước.

c) Ngành công nghiệp của nước ta có sự phân hoá rõ rệt về mặt lãnh thổ

– Quá trình phát triển công nghiệp trong suốt mấy thập kỉ vừa qua đã tạo ra những nét cơ bản cho một bức tranh phân bố với những mảng sáng và những chỗ cần điều chỉnh.

Trong những năm đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội, việc cải tạo và xây mới một số trung tâm công nghiệp đã dẫn đến hình thành mạng lưới trung tâm công nghiệp ở đồng bằng và trung du Bắc Bộ. Một số trung tâm quan trọng đó là :

+ Hà Nội được cải tạo thành trung tâm công nghiệp đa ngành lớn nhất ở miền Bắc.

+ Việt Trì (Phú Thọ) nổi lên như một trung tâm hoá chất lớn của miền Bắc trước năm 1975.

+ Hạ Long – Cẩm Phả với chức năng chủ yếu là khai thác than và công nghiệp năng lượng.

+ Hải Phòng với chức năng chính là cảng biển được bổ sung thêm các ngành cơ khí đóng và sửa chữa tàu biển, xi măng cùng với các ngành sản xuất dựa vào vận tải và khai thác biển.

+ Nam Định với chức năng chính là dệt, trên cơ sở khai thác ngành truyền thống này và kèm theo nó là cơ khí dệt, cơ khí nông nghiệp.

+ Hải Dương với tư cách như một trung tâm mới chuyên môn hoá sản xuất gốm – sứ, đá mài, máy bơm phục vụ thuỷ lợi.

+ Thái Nguyên – sản phẩm của quá trình công nghiệp hoá, trở thành trung tâm lớn về công nghiệp gang thép và cơ khí nông nghiệp.

Cũng trong thời gian này, ở miền Nam đã xây dựng các thành phố Sài Gòn, Biên Hoà, Đà Nẵng thành các trung tâm sản xuất hàng tiêu dùng, nhất là dệt và chế biến thực phẩm.

Sau khi đất nước thống nhất (năm 1975), sự phân bố công nghiệp đã có nhiều thay đổi và ngày càng trở nên hợp lí hơn.

– Hai khu vực tập trung công nghiệp của nước ta là Đồng bằng sông Hồng và phụ cận, Đông Nam Bộ và phụ cận. Ngoài ra, dọc Duyên hải miền Trung rải rác có một số trung tâm công nghiệp.

Ở các khu vực còn lại, mức độ tập trung công nghiệp rất thấp.

Sự phân hoá lãnh thổ công nghiệp phụ thuộc vào nhiều nhân tố. GV cần hướng HS tìm ra những nhân tố thật tiêu biểu cho từng khu vực tập trung công nghiệp.

– Từ năm 2000 đến nay, cơ cấu công nghiệp theo vùng lãnh thổ không có nhiều thay đổi. Cụ thể : năm 2005, Đông Nam Bộ vẫn chiếm tỉ trọng 55,6%, tiếp theo là Đồng bằng sông Hồng (19,7%), Đồng bằng sông Cửu Long (8,8%), Duyên hải Nam Trung Bộ (4,7%), Trung du và miền núi Bắc Bộ (4,6%), Bắc Trung Bộ (2,4%), Tây Nguyên (0,7%), không xác định (3,5%).

d) Cơ cấu công nghiệp theo thành phần kinh tế có những thay đổi rất mạnh từ khi tiến hành công cuộc Đổi mới theo hướng nhiều thành phần.

Khu vực Nhà nước giảm dần về số lượng doanh nghiệp, thu hẹp phạm vi hoạt động trong một số ngành, nhưng vẫn giữ vai trò quyết định đối với những ngành then chốt. Tỉ trọng của khu vực này giảm từ 41,8% năm 2000 xuống 25,1% giá trị sản xuất công nghiệp của nước ta năm 2005.

Khu vực ngoài Nhà nước phát triển nhanh do chính sách khuyến khích các loại hình kinh tế tư nhân. Luật doanh nghiệp có hiệu lực từ năm 2000 làm cho mỗi năm có thêm hàng nghìn doanh nghiệp mới. Nhiều sản phẩm của khu vực này chiếm tỉ trọng rất cao (thí dụ năm 2005 xay xát lương thực chiếm 96%, sản xuất gốm sứ dân dụng gần 92%, sản xuất nước mắm 89%...).

Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài ngày càng chiếm tỉ trọng cao trong tổng giá trị sản xuất của công nghiệp. Phần lớn các ngành công nghệ cao đều do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chiếm giữ như khai thác dầu khí ; lắp ráp ô tô, xe máy ; công nghiệp điện tử, thiết bị văn phòng ; máy tính.

2. Về phương pháp

Đối với bài 26, GV nên thông qua các sơ đồ cấu trúc về ngành và thành phần kinh tế, biểu đồ về chuyển dịch cơ cấu, cùng với bản đồ giáo khoa Công nghiệp chung Việt Nam và Atlas Địa lí Việt Nam để gợi mở và phát huy tính tích cực của HS.

IV – TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Phần mở đầu, GV nên giới thiệu vấn đề cơ cấu ngành công nghiệp là một trong những nội dung quan trọng của Địa lí công nghiệp (đã học ở lớp 10) và những khía cạnh được Địa lí học quan tâm : cơ cấu ngành, cơ cấu lãnh thổ, cơ cấu thành phần kinh tế.

2. Dựa vào sơ đồ cơ cấu ngành công nghiệp, GV yêu cầu HS trình bày về cơ cấu ngành công nghiệp của nước ta và nhận xét.

Từ cơ cấu ngành, GV làm rõ các ngành công nghiệp trọng điểm và đặt câu hỏi : *Tại sao đây lại là các ngành công nghiệp trọng điểm ?* GV yêu cầu HS tái hiện lại các kiến thức đã học để trả lời câu hỏi này.

Tương tự như vậy, căn cứ vào hình 26.1 SGK, GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi trong bài và giải thích.

3. Về cơ cấu công nghiệp theo lãnh thổ, dựa vào hình 26.2 SGK cũng như bản đồ giáo khoa Công nghiệp chung Việt Nam và Atlas Địa lí Việt Nam, GV yêu cầu HS làm rõ sự phân hoá lãnh thổ công nghiệp và giải thích. Khi giải thích, cần lưu ý lựa chọn các nguyên nhân thật tiêu biểu, tránh nêu chung chung.

4. Dựa vào sơ đồ cơ cấu công nghiệp theo thành phần kinh tế, GV yêu cầu HS phân tích cơ cấu công nghiệp theo thành phần kinh tế và giải thích.